



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
THAINGUYEN UNIVERSITY

ISSN 1859 - 2171

TẠP CHÍ
KHOA HỌC & CÔNG NGHỆ
JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

SỐ ĐẶC BIỆT CHÀO MỪNG 87 NĂM THÀNH LẬP HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI - NHÂN VĂN - KINH TẾ
SOCIAL SCIENCES - HUMANITIES - ECONOMICS

Tập 172, số 12/2, 2017

CHUYÊN SAN KHOA HỌC XÃ HỘI – NHÂN VĂN – KINH TẾ

Mục lục	Trang
Hà Xuân Hương - Thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái	3
Ngô Thị Thu Trang - Một số biện pháp nâng cao năng lực sử dụng từ Hán Việt cho học sinh phổ thông	9
Nguyễn Thị Hà, Vũ Thị Hồng Hoa - Nâng cao tỷ lệ nữ trong các cơ quan dân cử	15
Nguyễn Thu Hà, Nguyễn Thị Mai Hương, An Thị Thư, Nguyễn Thị Hồng - Phát triển chuẩn mực kế toán Việt Nam theo hướng chuẩn mực kế toán quốc tế	21
Nguyễn Thị Hòa - Sử dụng tuyển tập “Những lá thư thời chiến Việt Nam” trong giáo dục lịch sử	27
Nguyễn Thị Xuân Thu, Phạm Ngọc Duy - Những tác động của việc sử dụng sơ đồ ngữ nghĩa đối với khả năng ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên	33
Vũ Kiều Hạnh, Hoàng Thị Cương - Nghiên cứu kỹ năng đọc của sinh viên năm thứ 2 tại trường Đại học Nông Lâm – Đại học Thái Nguyên, cơ sở để thiết kế các hoạt động rèn luyện tăng cường	39
Nguyễn Thị Thu Hương - Bảo vệ quyền nhân thân cho lao động chưa thành niên theo pháp luật Việt Nam	45
Nguyễn Thị Thắm - Hành trình tìm kiếm hạnh phúc của nhân vật nữ trong <i>Những nẻo đường đời và những bản tình ca khác</i> của Le Clézio	51
Lê Thị Lưu, Trần Bảo Ngọc, Bùi Thanh Thủy và cộng sự - Nhận thức của sinh viên cử nhân điều dưỡng về môi trường giáo dục tại trường Đại học Y Dược - Đại học Thái Nguyên bằng bảng hỏi DREEM	57
Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ - Nhận thức của nông hộ về biến đổi khí hậu và tác động của biến đổi khí hậu tới sản xuất chè - Trường hợp nghiên cứu: Vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên	63
Dương Thanh Tinh, Trần Văn Quyết, Nguyễn Ngọc Lý, Nguyễn Việt Dũng - Giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số thông qua phát triển chuỗi liên kết tiêu thụ các sản phẩm từ cây quế tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	69
Nguyễn Thu Nga, Đỗ Thị Tuyết Mai, Nguyễn Thị Diệu Hồng - Sử dụng hàm Cobb - Douglas tuyến tính để đánh giá hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng Việt Nam	75
Phùng Thanh Hoa, Bùi Thị Thanh Thủy - Tác động của kinh tế thị trường đến nông thôn Việt Nam hiện nay	81
Hoàng Thị Mỹ Hạnh, Sombath Kingbounkai - Quá trình di cư của người Việt đến Lào và định cư tại tỉnh Luangprabang nước CHDCND Lào	87
Vi Thị Phương - Sử dụng báo chí vào công cuộc xây dựng nền văn hóa mới ở Việt Nam, nhìn từ góc độ tạp chí <i>Tao Đàn</i> (1939)	93
Nguyễn Thị Minh Loan - Đề xuất mô hình tập huấn dạy đặt câu hỏi trong kỹ năng đọc hiểu	99
Nguyễn Thị Bích Ngọc - Đánh giá nội dung và việc giảng dạy học phần bút ngữ tiếng Anh trung cao cấp 2 tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên xét từ góc độ sinh viên	105
Nguyễn Mai Linh, Trần Minh Thành, Dương Thị Hồng An - Kết hợp sử dụng hồ sơ học tập (Portfolio) và thuyết trình nhóm trong dạy và học các khóa học tiếng Anh chuyên ngành tiếp cận hậu phương pháp luận	111
Trần Thị Kim Hoa - Phát triển năng lực sử dụng từ tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số qua các bài tập về từ	117
Trần Tú Hoài - Một số nội dung cơ bản của chính sách phát triển giảng viên qua thực tiễn tại trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	121
Phạm Thị Huyền, Vũ Thị Thủy - Rèn luyện phong cách làm việc quần chúng của người cán bộ theo phong cách Hồ Chí Minh	127

Tổng Thị Phương Thảo - Bảo vệ quyền của lao động nữ khi mang thai, sinh con và nuôi con nhỏ theo pháp luật lao động Việt Nam	131
Lương Thị Hạnh - Vai trò của phụ nữ dân tộc thiểu số trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Bắc Kạn	137
Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Thu Hiền - Một số vấn đề về việc xây dựng lối sống mới cho sinh viên Việt Nam hiện nay	143
Hồ Lương Xinh, Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Giang, Lưu Thị Thùy Linh, Bùi Thị Thanh Tâm, Nguyễn Mạnh Thắng - Xác suất cải thiện thu nhập của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	149
Đinh Ngọc Lan, Đoàn Thị Thanh Hiền, Dương Tuấn Việt - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong tại huyện Nguyên Bình- tỉnh Cao Bằng	155
Đỗ Thị Hà Phương, Chu Thị Hà, Nguyễn Thị Giang, Dương Xuân Lâm - Tác động của vốn xã hội và công nghệ thông tin đến dự định chia sẻ tri thức và hành vi chia sẻ tri thức của cán bộ giảng viên tại Đại học Thái Nguyên	161
Nguyễn Thị Hiền Thương, Dương Thị Thu Hoài, Cù Ngọc Bắc, Kiều Thu Hương, Vũ Thị Hải Anh - Sự tham gia của người dân trong việc thực hiện các tiêu chí cơ sở hạ tầng - chương trình xây dựng nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	169
Vũ Bạch Diệp, Mai Việt Anh - Huy động vốn cho phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Thái Nguyên, thực trạng và một số giải pháp	175
Nguyễn Thị Ngọc Anh, Hoàng Huyền Trang - Thiết kế và sử dụng các trò chơi học tập nhằm nâng cao hiệu quả dạy học môn khẩu ngữ cao cấp cho sinh viên Trung Quốc tại Khoa Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên	181
Trần Thị Yến, Khổng Thị Thanh Huyền - Những lỗi về câu thường gặp trong bài viết tiếng Anh học thuật của sinh viên Việt Nam chuyên ngành tiếng Anh: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp	187
Hà Thị Thanh Hoa, Chu Thị Kim Ngân, Dương Thị Thúy Hương - Mức độ hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ mạng di động Vinaphone tỉnh Thái Nguyên	193
Vũ Thị Loan, Vũ Thị Hậu - Vai trò của giá cổ phiếu đối với dự báo khó khăn tài chính doanh nghiệp: Mô hình SVM	199
Hồ Thị Mai Phương, Hoàng Thị Tú, Trần Nguyệt Anh - Thiết kế và tổ chức trò chơi học tập trong hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mẫu giáo	205
Đồng Thị Hồng Ngọc, Nguyễn Quỳnh Hoa, Nguyễn Thị Thu Hường, Hoàng Thanh Hải, Nguyễn Thị Thu Hằng - Ứng dụng mô hình logistic xếp hạng tín dụng doanh nghiệp xây dựng niềm yết tại Việt Nam	211
Hà Thị Hòa, Hồ Ngọc Sơn - Phân tích chuỗi giá trị qua các kênh tiêu thụ sản phẩm Sơn tra tại Yên Bái	219

QUÁ TRÌNH DI CƯ CỦA NGƯỜI VIỆT ĐẾN LÀO VÀ ĐỊNH CƯ TẠI TỈNH LUANGPRABANG NƯỚC CHDCND LÀO

Hoàng Thị Mỹ Hạnh*, Sombath Kingbounkai

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Tỉnh Luangprabang là một trong 8 tỉnh miền Bắc của Lào có đường biên giới giáp với Việt Nam ở phía Bắc. Tỉnh cũng là địa phương có mối quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa bền chặt với Việt Nam. Luangprabang là một trong những tỉnh có đông người Việt cư trú. Người Việt nhanh chóng thích nghi, hòa nhập với cuộc sống của người Lào và trở thành một cộng đồng định cư đặc biệt của người nước ngoài tại Lào. Bài viết đánh giá về quá trình di cư của người Việt đến Lào và định cư tại Luangprabang, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (CHDCND Lào).

Từ khóa: Lào, Việt Nam, kinh tế, văn hóa, hội nhập.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Luang Prabang là một tỉnh nằm ở phía Bắc thuộc vùng núi Thượng Lào cách thủ đô Vientiane 425 km. Hiện nay, tỉnh Luang Prabang có diện tích 16.875 km² (là tỉnh có diện tích lớn thứ hai của Lào), dân số: 463.485 người (đứng thứ năm dân số Lào) năm 2015. Tỉnh Luang Prabang tiếp giáp với tỉnh Sơn La (Việt Nam) ở phía bắc và 6 tỉnh của Lào, cụ thể: tiếp giáp tỉnh Phongsaly ở phía Bắc, phía tây giáp tỉnh Oudomxai, tỉnh Xayaboury; phía nam giáp tỉnh Viengchan; phía đông giáp tỉnh Xiengkhouang và Houaphan. Việt Nam và Lào có chung 2.069 km đường biên giới. Từ xa xưa, hai nước đã có quan hệ về địa lý, văn hóa và lịch sử. Vì vậy, hiện tượng người Lào đến Việt Nam cũng như người Việt Nam đến Lào làm ăn, sinh sống thường xuyên diễn ra.

NỘI DUNG

Quá trình di cư của người Việt đến Lào

Theo thư tịch cổ ghi chép đầu tiên về quan hệ Việt – Lào, từ năm 550 thời Tiền Lý, khi bị quân Lương đàn áp, Lý Nam Đế buộc phải lánh nạn và anh ruột của vua là Lý Thiên Bảo đã chạy sang Lào lập căn cứ chống giặc ngoại xâm [3]. Thời Trần, nhiều quý tộc đã sang Lào xây dựng căn cứ, nuôi dưỡng lực lượng làm nơi nương tựa để tìm đường khôi phục vương triều.

Tuy nhiên, có thể thấy, việc di dân đến Lào của các triều đại phong kiến trước thời Nguyễn diễn ra lẻ tẻ không tạo thành các đợt di cư cụ thể.

Thế kỷ XIX, triều Nguyễn với chính sách cấm đạo và sát đạo trên khắp cả nước khiến nhiều người Công giáo đã buộc phải bỏ làng chạy sang các nước láng giềng như Lào, Thái Lan. Nhiều nhà thờ hiện nay ở Lào và Thái Lan là do các giáo dân và giáo sỹ người Việt góp sức cùng với cộng đồng giáo dân là người bản xứ xây dựng.

Ngoài lý do trên, do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, chế độ lao dịch và hàng loạt các loại sưu cao thuế nặng thời Nguyễn khiến người dân lâm vào tình trạng đói khổ, buộc phải chạy sang Lào để tìm kế sinh nhai.

Trong ký ức của nhiều người Việt sinh sống trên đất nước Lào vẫn còn lưu giữ những câu chuyện do ông bà của họ kể lại về quá trình di cư sang Lào. Do ở Việt Nam đói khổ, nên họ phải bỏ làng xóm và tìm đường sang Lào. Họ đi thành nhiều nhóm, mỗi nhóm khoảng chừng 10 người, mọi người đều đi qua đường Galiki (đường số 15), khi ấy hoàn toàn phải đi bộ, vì thế phải mất gần 2 năm mới đến nơi. Thời Pháp thuộc, số lượng người Việt di cư sang Lào bằng con đường chính thức (do Pháp đưa người Việt sang làm quản lý, lao động trong các lĩnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng, đường xá) hoặc phi chính thức (do di

* Tel: 0942781982; Email: hoangmyhanh@dhsptn.edu.vn

dân tự phát) đã tăng lên nhanh chóng. Người Việt Nam di cư tập trung ở các tỉnh miền Bắc, Trung và Nam của Lào. Hằng năm, người Việt Nam làm phu mở những con đường chiến lược sang Lào như đường nối liền đường số 6 Viêng Chăn – Hà Nội, đường số 13 Sài Gòn – Krachie – Pakse – Luangprabang, đường số 12 Thà Khéc Hạ Lào, đường số 7 Luangprabang – Xiêng khoang – Phú Diễn, Nghệ An, đường số 8 Tha Khéc – Vinh, đường số 9 Đông Hà – Quảng Trị - Savannakhet. Năm 1912, hệ thống đường xá thuộc địa nói chung của Đông Dương chưa phát triển, trong đó, Lào lại là nơi kém phát triển nhất. Chính vì vậy, Pháp phải tăng cường nhiều nhân công, đặc biệt là đưa nhân công người Việt Nam sang Lào làm phu đường nhằm mở mang đường xá phục vụ cho cuộc khai thác thuộc địa tại xứ Lào. Ngoài ra, Pháp đưa người Việt sang đây làm cu li đồn điền trồng các loại cây công nghiệp.

Tính đến năm 1930, ở Lào có khoảng trên 10.000 người Việt chủ yếu là tiểu thương và thợ thủ công ở các trung tâm, phần lớn họ cư trú ở Luangprabang và Viêng Chăn. Ngoài ra, để phục vụ quá trình đẩy mạnh khai thác thuộc địa ở Lào, thực dân Pháp đã đưa người Việt sang làm công chức trong bộ máy chính quyền thuộc địa ở Lào. Trong thể chế chính quyền thuộc địa, cao nhất là người Pháp, bên dưới là các công chức người Việt. Sau giai đoạn Pháp đưa nhiều người Việt Nam sang Lào để phục vụ việc khai thác thuộc địa, đặc biệt khi nạn đói năm 1945 do Nhật và Pháp gây ra ở miền Bắc và Trung Việt Nam là nguyên nhân khiến nhiều người Việt từ các tỉnh Trung bộ như Nghệ Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị theo đường số 8 sang tỉnh Thà Khéc và theo đường số 9 sang tỉnh Savannakhet và các tỉnh Hạ Lào. Không chỉ người nông dân mà ngay cả những gia đình khá giả có chức sắc ở các làng quê Việt Nam cũng phải đối mặt với nạn đói năm 1945 và họ cũng thấy khó có thể qua khỏi nếu cứ bám trụ lại nơi chôn nhau cắt rốn nên nhiều người đã phải thiên di đi tìm con đường sống [3].

Những năm trong và sau khi chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, phát xít Nhật chiếm Đông Dương, thay thế Pháp ra sức đàn áp không chỉ người Lào mà còn tấn công vào cộng đồng người Việt trên toàn nước Lào. Chính trong bối cảnh đó, lực lượng liên minh Việt – Lào được thành lập. Lực lượng chủ chốt của đơn vị quân đội này chủ yếu là lớp thanh niên và trung niên người Việt cùng một số thanh niên người Việt kiều từ Thái Lan sang phối hợp cùng với quân đội Lào kháng chiến chống Pháp trong âm mưu tái chiếm Đông Dương. Tháng 3 năm 1946, thực dân Pháp mở cuộc hành quân lớn vào thị xã Thà Khéc, Savannakhet và Viêng Chăn, nhiều Việt Kiều ở vùng này buộc phải tản cư sang vùng Đông Bắc của Thái Lan và ở lại sinh sống. Hòa bình lập lại, từ những năm 50 - 60 của thế kỷ XIX, một số Việt Kiều ở Thái Lan trở lại Lào làm ăn buôn bán và cũng có một số người Việt từ miền Nam của Việt Nam qua cửa khẩu Lao Bảo sang kiếm sống rồi định cư lại Lào.

Luangprabang cũng là một tỉnh có người Việt Nam sang làm ăn và sinh sống khá nhiều. Giai đoạn từ năm 1955 trở đi, một số người Việt sang đây theo đường số 13 và đường số 7 và ở lại một số huyện ở các tỉnh miền Bắc của Lào. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, một số người Việt sang tỉnh Luangprabang làm ăn và kết hôn với người bản xứ tại vùng nông thôn và vùng biên giới giữa Việt Nam – Lào, đồng thời cũng có một số người Việt Nam tại tỉnh khác của Lào sang Luangprabang làm ăn và định cư [1].

Sau năm 1975, cư dân Việt Nam sống ở dọc biên giới giữa hai nước Việt Nam – Lào đã gặp nhiều khó khăn. Khi đó Thái Lan thi hành chính sách mở cửa, tung hàng hóa Thái xâm nhập vào thị trường Lào nên đời sống của dân cư Lào lúc này dễ chịu hơn người Việt khá nhiều. Do lực thu hút đó, mà làn sóng di dân Việt trong thời gian này tăng lên, nhiều người vượt biên sang Lào. Không ít người Việt đã kết hôn với người Lào và định cư làm ăn sinh sống lâu dài ở Lào.

Từ các nguyên nhân kể trên có thể, vấn đề di dân tự do và kết hôn (thậm chí là kết hôn không giá thú) đã tồn tại nhiều năm do đặc điểm dân tộc, thân thuộc lâu đời giữa nhân dân 2 biên giới. Hiện nay, mặc dù hai bên Việt Nam – Lào đã tích cực ngăn chặn xử lý số người nhập cư trái phép, nhưng tình trạng đó không giảm mà có chiều hướng gia tăng. Tính đến năm 1994, số dân Việt Nam sang Lào sinh sống dọc theo biên giới là 7 hộ với 29 khẩu. Năm 1997, Việt Nam có 104 hộ với 868 người Việt Nam di cư trái phép sang Lào. Theo thống kê của Lào năm 2004, có 680 hộ với 6.498 người Việt Nam đã di cư tự do sang Lào [5]. Những năm gần đây, sự qua lại của người Việt Nam sang Lào tăng hơn bằng nhiều con đường như: một là thăm thân nhân rồi tìm cách ở lại Lào sinh sống; hai là sang Lào theo giấy thông hành của hai tỉnh kết nghĩa nhưng tiến sâu vào nội địa hết hạn giấy thông hành lại xin gia hạn rồi tìm cách ở lại Lào; ba là tự do sang Lào tìm kiếm công ăn việc làm, buôn bán hoặc sang du lịch rồi ở lại không về nước.

Ngoài những người nhập cư trái phép bằng con đường nêu trên, người Việt định cư ở Lào bằng cách theo các công trình hợp tác hay đầu tư của hai nước, của các doanh nghiệp Lào, sau khi hết hợp đồng, một số lao động ở lại, một số người về nước sau một thời gian tìm cách trở lại Lào để làm ăn sinh sống...

Như vậy, quá trình di cư của người Việt đến Lào dưới hai hình thức: Di cư tự phát quy mô nhỏ (Nhu cầu kiếm sống, chung đường biên giới, lánh nạn do chiến tranh...); Di cư theo kế hoạch với số lượng lớn (Vấn đề bổ sung nhân lực cho kế hoạch khai thác thực dân; Kế hoạch hợp tác lao động giữa hai chính phủ Việt Nam - Lào). Và chúng ta có thể rút ra đặc điểm của quá trình di cư của người Việt đến Lào đó là do “lực đẩy”, không phải do “lực hút”.

Người Việt Nam định cư ở Luangprabang

Luangprabang là một tỉnh phía Bắc của Lào. So với các tỉnh khác của Lào, Luangprabang có khí hậu ôn hòa, mát mẻ với nhiều loại

khoáng sản. Địa hình đại bộ lớn của lãnh thổ là đồi núi cao từ 1.600m, thấp nhất là 247m so với mặt nước biển, diện tích 85% là vùng đồi núi cao, đồng bằng ven sông Mê Kông. Địa hình này tạo điều kiện cho tỉnh Luang Prabang phát triển kinh tế đa dạng. Nơi đây, có nhiều người nước ngoài đến làm ăn sinh sống, trong đó, người Việt Nam chiếm số lượng nhiều nhất, có thể chia cộng đồng người Việt Nam định cư tại tỉnh Luangprabang thành 3 bộ như sau:

Bộ phận Việt Kiều: là những người Việt Nam định cư ở Lào từ lâu đời nhưng chưa nhập quốc tịch Lào. Việt Kiều được chính phủ Lào cho phép định cư ở Lào với những quy định cụ thể. Tuy được cấp hộ khẩu và chứng minh thư Lào nhưng họ vẫn mang quốc tịch Việt Nam, họ được nhà nước Lào quản lý theo những quy định của ngoại kiều không được tham gia bầu và ứng cử ở Lào. Người Lào lấy vợ hay chồng là người Việt hay người Việt lấy vợ chồng là người Lào, con cái của họ có quyền chọn quốc tịch của bố hay mẹ. Bộ Công An Lào chấp nhận cho các con cháu nhập quốc tịch Lào nếu bố mẹ đồng ý. Do vậy, có một thực tế, có những quy định của Lào đòi bố mẹ không được phép làm, đến đời con cháu được phép làm nếu có quốc tịch Lào.

Theo con số thống kê của Sở Chỉ huy bảo vệ an ninh tỉnh Luangprabang, năm 2016, tổng số người Việt Nam đang làm ăn sinh sống tại tỉnh Luangprabang cả 12 huyện là 1.228, trong đó, có 421 nữ, đông nhất là ở huyện Luangprabang có 556 người, 277 nữ. Tổng hội Việt Nam tại Lào đã được thành lập ngày 19/8/2009. Tổng hội có 12 chi hội ở các tỉnh (chính là 12 Hội người Việt Nam). Trụ sở Tổng hội đặt ở Viêng Chăn. Tổng hội Việt Nam là nơi để bà con đồng hương cùng tụ họp, giúp đỡ nhau lúc khó khăn. Người Việt trên đất Lào luôn sống thân tình, thể hiện tính cộng đồng keo sơn, gắn bó của người Việt.

Ban Chấp hành hội cùng toàn thể bà con Việt Kiều luôn chấp hành, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng, nhà nước Lào, tích

cực tham gia đóng góp vào các hoạt động xã hội của nơi cư trú. Bên cạnh đó, họ luôn luôn hướng về tổ quốc thân yêu của mình bằng việc làm như hưởng ứng tích cực giúp đỡ đồng bào trong nước, ủng hộ giúp đỡ nạn nhân, chất độc màu da cam, các đoàn bộ đội Việt Nam sang tìm hài cốt các đồng đội đã hy sinh tại đất Lào cũng như tỉnh Luangprabang. Một số Việt Kiều chưa sang Việt Nam bao giờ nhưng họ luôn yêu thương Việt Nam và hướng về tổ quốc của mình [1].

Bộ phận thứ hai là người Việt Nam đã nhập quốc tịch Lào gọi là người Lào gốc Việt, những người Việt nhập quốc tịch Lào có quyền lợi và nghĩa vụ đầy đủ như người Lào. Họ được làm tất cả mọi ngành nghề như người Lào, có thể mua bán đất động sản như nhà ở, đất, xe và được cấp giấy phép kinh doanh, được học tại các trường học ở Lào, kể cả trường Đại học trong nước và nước ngoài. Từ năm 1993-1994, chính phủ Lào cho phép người Việt nhập quốc tịch Lào. Công dân nước ngoài hoặc người không có quốc tịch Lào có thể được nhập quốc tịch theo đơn xin gia nhập quốc tịch của người đó, nếu xét thấy có đủ các điều kiện sau:

1. Tuổi từ 18 trở lên.
2. Tuân thủ hiến pháp và pháp luật của nước CHDCND Lào.
3. Biết nói, viết, đọc chữ Lào thành thạo.
4. Có bằng chứng có thể chứng minh mình đã hòa nhập vào cộng đồng xã hội và phong tục tập quán Lào; tôn trọng truyền thống, phong tục tập quán của dân tộc Lào.
5. Có sức khỏe tốt, không mắc bệnh truyền nhiễm, không nghiện ma túy.
6. Không có tiền án, tiền sự.
7. Có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Lào.
8. Không gây thiệt hại đến lợi ích của tổ quốc Lào.
9. Đã thôi hoặc đã từ bỏ quốc tịch cũ của mình.

10. Đã ở Lào liên tục từ 10 năm trở lên, đã có hộ nhân khẩu và chứng minh thư do Lào cấp; riêng với người có trình độ chuyên môn bậc chuyên gia quy định thời hạn trên có thể ngắn xuống.

11. Có cuộc sống kinh tế ổn định [4].

Để thuận lợi trong cuộc sống, đã có người Việt quyết định nhập quốc tịch Lào.

Bộ phận thứ ba là người Việt cư trú tạm thời. Đây là những người Việt sang Lào sau năm 1975, họ có giấy tờ hợp lệ như giấy Thông hành hay Hộ chiếu (trừ những người di dân tự do và những người phạm tội ở Việt Nam, trốn chạy sang Lào). Giấy thông hành thường do các tỉnh dọc biên giới cấp. Theo quy định của hai nước, người có các loại giấy Thông hành này không thể đi sâu vào nội địa Lào, nếu hết hạn mà không xin gia hạn vẫn tiếp tục ở lại Lào nếu bị công an Lào phát hiện sẽ bị phạt, một lần bị phạt 300.000 kip/1 người (tương đương 810.000 đồng Việt Nam). Công nhân Việt Nam làm việc trong các công trình hay dự án nếu quá hạn lưu trú mà không gia hạn thì các chủ doanh nghiệp, chủ công trình hay sự án sẽ bị phạt (250 USA/1 người) [2]. Phần lớn người Việt cư trú tạm thời ở Lào đều chưa có cuộc sống ổn định họ thường sống tập trung từ 2 đến 3 gia đình cùng nhau thuê nhà làm ăn sinh sống.

Ở tỉnh Luangprabang, người Việt định cư tạm thời chiếm số lượng nhiều nhất trong tổng số người Việt. Theo báo cáo của công an quản lý người nước ngoài tỉnh Luangprabang, số lượng thống kê người Việt ở bộ phận này chưa có con số thật chính xác do họ thường xuyên di chuyển từ tỉnh này sang tỉnh khác để tìm kiếm việc làm.

KẾT LUẬN

Với sự quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Lào, bà con người Việt ở Luangprabang càng có thêm nhiều điều kiện thuận lợi để làm ăn sinh sống, phát triển sản xuất, bảo vệ an ninh chung. Bên cạnh đó, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm

đến cộng đồng người Việt ở nước ngoài với những chủ trương, chính sách hết sức thuận lợi. Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác đối với cộng đồng người Việt ở nước ngoài có những hỗ trợ nhất định cho bà con, nhất là về giáo dục đào tạo, tạo điều kiện học hành cho cộng đồng người Việt.

Bên cạnh những thuận lợi ấy, cộng đồng người Việt tại tỉnh Luangprabang cũng phải đối diện với những khó khăn nhất định như nền kinh tế Lào nói chung, đặc biệt là ở tỉnh Luangprabang nói riêng chưa phát triển, nhu cầu tiêu dùng chưa cao, thị trường nhỏ, sức mua hạn chế, không kích thích sự gia tăng trong đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh của người Việt. Bởi vậy, Việt Nam và Lào cần có những chính sách hợp lý tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai nước giúp

nhau phát triển sản xuất, bảo vệ an ninh chung, thắt chặt “mối quan hệ đặc biệt, hợp tác toàn diện”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội người Việt Nam tỉnh Luang Prabang (2015), “Bản báo cáo tóm tắt Hội người Việt Nam tỉnh Luang Prabang”, Luang Prabang.
2. Phạm Đức Thành (2007), “Vai trò kinh tế của người Việt tại Lào”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, tr. 19 - 26.
3. Nguyễn Duy Thiệu và các cộng sự (2008), “Di cư và chuyển đổi lối sống - trường hợp cộng đồng người Việt ở Lào”, Nxb Thế giới, Hà Nội.
4. Nguyễn Duy Thiệu, Amthilo Latthanho (2007), “Bước đầu tìm hiểu luật pháp và chính sách của chính phủ Lào đối với người nước ngoài và người Việt Nam tại Lào”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2, tr. 63 -70.
5. Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Luang Prabang (2015), *Điều tra dân số*, Nxb Luang Prabang, Luang Prabang.

SUMMARY

THE MIGRATION PROCESS OF VIETNAMESE TO LAOS AND LOCATION IN LUANGPRABANG PROVINCE OF LAOS

Hoang Thi My Hanh*, Sombath Kingbounkai
University of Education – TNU

Luangprabang is one of the eight northern provinces of Laos bordered by Vietnam in the north. The province also has a strong economic and cultural cooperation with Vietnam. Luangprabang is one of the provinces with large Vietnamese residences. Vietnamese quickly adapted to the lives of the Lao people and became a special settlement community of foreigners in Laos. This article reviews the migration of Vietnamese people to Laos and resides in Luangprabang, Lao People's Democratic Republic (Lao PDR).

Keywords: Laos, Vietnam, economy, culture, integration.

Ngày nhận bài: 01/9/2017; Ngày phản biện: 07/10/2017; Ngày duyệt đăng: 16/10/2017

* Tel: 0942781982; Email: hoangmyhanh@dhsptn.edu.vn

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Ha Xuan Huong - Women's situations in Thai and Tay's folk songs	3
Ngo Thi Thu Trang - Some measures that need to be implemented to enhance students' ability in terms of using Sino – Vietnamese words	9
Nguyen Thi Ha, Vu Thi Hong Hoa - Enhancing the proportion of female in people's elected bodies	15
Nguyen Thu Ha, Nguyen Thi Mai Huong, An Thi Thu, Nguyen Thi Hong - Developing vietnamese accounting standards towards international accounting standards	21
Nguyen Thi Hoa - Using collection "Vietnam wartime letters" in historical education	27
Nguyen Thi Xuan Thu, Pham Ngoc Duy - Effects of using semantic mapping on ESP vocabulary retention of the students at University of Technology – Thai Nguyen University	33
Vu Kieu Hanh, Hoang Thi Cuong - English reading skill of the second-year students at University of Agriculture and Forestry – Thai Nguyen University: basis for enhancement activities	39
Nguyen Thi Thu Huong - Protection of personal rights for juvenile labor in Vietnam law	45
Nguyen Thi Tham - The journey to search for happiness of female characters in the short stories <i>Cœur brûlé et autres romances</i> of Le Clézio	51
Le Thi Luu, Tran Bao Ngoc, Bui Thanh Thuy et al - The bachelor of nursing students' perception of educational environment at University of Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University by DREEM questionnaire	57
Bui Thi Minh Ha, Nguyen Huu Tho - Awareness of household on climate change and its effectiveness on tea cultivation: a case study in Tan Cuong tea area, Thai Nguyen city	63
Duong Thanh Tinh, Tran Van Quyet, Nguyen Ngoc Ly, Nguyen Viet Dung - Employment creation potential for ethnic minorities through value chain development of cinnamon products in the northern mountainous region of Vietnam - a case study of Van Yen district, Yen Bai province	69
Nguyen Thu Nga, Do Thi Tuyen Mai, Nguyen Thi Dieu Hong - Applying Cobb-Douglas linear function to measure the efficiency of Vietnam commercial banks	75
Phung Thanh Hoa, Bui Thi Thanh Thuy - The impact of market economy on rural Viet Nam at present	81
Hoang Thi My Hanh, Sombath Kingbounkai - The migration process of Vietnamese to Laos and location in Luangprabang province of Laos	87
Vi Thi Phuong - Using press to the new construction of building culture in Vietnam, look at the <i>Tao Dan</i> magazine (1939)	93
Nguyen Thi Minh Loan - A proposed model for question generation instruction in reading comprehension	99
Nguyen Thi Bich Ngoc - English written proficiency – upper intermediate 2 (EWU241): students' evaluation of the course content and teaching activities at the School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	105
Nguyen Mai Linh, Tran Minh Thanh, Duong Thi Hong An - Portfolio development and group presentation for ESP courses toward postmethod	111
Tran Thi Kim Hoa - Developing the ability of using Vietnamese for ethnic minority elementary school pupils through vocab exercises	117
Tran Tu Hoai - The main points of "lecturers development" policy that were taken in University of Education – Thai Nguyen University	121
Pham Thi Huyen, Vu Thi Thuy - Training the working style manner of cadres following Ho Chi Minh's style	127

Tong Thi Phuong Thao - Protect the rights of women workers during pregnancy, childbirth and child rearing according to Vietnamese labor law	131
Luong Thi Hanh - The role of ethnic minority women in building new rural areas in Bac Kan province	137
Nguyen Thi Thanh Ha, Nguyen Thi Thu Hien - Some issues on building new ways of life for Vietnamese students nowadays	143
Ho Luong Xinh, Nguyen Thi Yen, Nguyen Thi Giang, Luu Thi Thuy Linh, Bui Thi Thanh Tam, Nguyen Manh Thang - Probability of improving farmer household income after agricultural land acquisition at industrial zones in Thai Nguyen province	149
Dinh Ngoc Lan, Doan Thi Thanh Hien, Duong Tuan Viet - Analyzing factors effect to production and consumption of canna in Nguyen Binh district - Cao Bang province	155
Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Nguyen Thi Giang, Duong Xuan Lam - Investigating the effects of social capital and information technology on knowledge sharing intention and knowledge sharing behavior among employees in Thai Nguyen University	161
Nguyen Thi Hien Thuong, Duong Thi Thu Hoai, Cu Ngoc Bac, Kieu Thu Huong, Vu Thi Hai Anh - Research the contribution of cityzens to implement the imfrastructure criteria for new rural program in Phu Luong district, Thai Nguyen province	169
Vu Bach Diep, Mai Viet Anh - Some solutions for mobilizing capital for small and medium enterprises developing Thai Nguyen city	175
Nguyen Thi Ngoc Anh, Hoang Huyen Trang - Designing and using learning games in order to increase the effective teaching in oral advanced proficiency for chinese students at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	181
Tran Thi Yen, Khong Thi Thanh Huyen - Common sentence problems in academic writing committed by Vietnamese students of English: situation, causes and solutions	187
Ha Thi Thanh Hoa, Chu Thi Kim Ngan, Duong Thi Thuy Huong - The satisfaction of customers on the quality of Vinaphone mobile network service of Thai Nguyen province	193
Vu Thi Loan, Vu Thi Hau - The role of market stock price as a financial distress predictor: SVM model	199
Ho Thi Mai Phuong, Hoang Thi Tu, Tran Nguyet Anh - Design and organization of learning games in elementary school mathematical symbols for elementary school children	205
Dong Thi Hong Ngoc, Nguyen Quynh Hoa, Nguyen Thi Thu Huong, Hoang Thanh Hai, Nguyen Thi Thu Hang - Application of logistic models in rating credit of listed construction enterprices in Vietnam	211
Ha Thi Hoa, Ho Ngoc Son - Values chain analysis through consumption channels of Son tra in Yen Bai province	219